TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18/6/2018.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Bích Khiếm.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Thị Đào
2. Bà Lâm Thị Tám

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2018, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2018/QĐST – HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Quách Thị Ngọc H, sinh năm 1995 (có mặt).
Địa chỉ: Số 305/5 ấp ĐNT, xã ĐT, huyện MX, tỉnh ST.
2. Bị đơn: Ông Lâm Thanh T, sinh năm 1994 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số 231 ấp ĐNT, xã ĐT, huyện MX, tỉnh ST.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2018 và chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên toà, nguyên đơn là bà Quách Thị Ngọc H trình bày:

Bà Quách Thị Ngọc H và ông Lâm Thanh T cưới nhau vào tháng 02/2015 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đại Tâm cấp ngày 22/02/2016. Sau khi cưới vợ chồng lên thành phố Hồ Chí Minh chung sống hạnh phúc được 01 năm, bà H sinh con thì ông T đuổi bà về quê sống với lý do ông T nói không có tiền để nuôi và cũng do ông T sống không chung thủy nên bà về quê sống. Từ đó bà và ông T không sống chung từ tháng 8/2016 cho đến nay.

Về con chung: Có một người con chung tên Lâm Thiện N, sinh ngày 13/6/2016 hiện sống chung với bà H.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Quách Thị Ngọc H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lâm Thanh T; Về con chung: Bà H yêu cầu nuôi con Lâm Thiện N đến tuổi trưởng thành và thay đổi yêu cầu không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn Lâm Thanh T: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Lâm Thanh T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Lâm Thanh T không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ông Lâm Thanh T cũng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục quy định, vụ án đã được đưa ra xét xử lần thứ hai nhưng ông Lâm Thanh T vắng mặt không lý do, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Lâm Thanh T

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Quách Thị Ngọc H; Về con chung: Tiếp tục giao cho bà Quách Thị Ngọc H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lâm Thiện N đến tuổi trưởng thành; Về cấp dưỡng nuôi con: bà Quách Thị Ngọc H không yêu cầu ông Lâm Thanh T cấp dưỡng nuôi con. Ông Lâm Thanh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn Lâm Thanh T được cấp tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông Lâm Thanh T vẫn vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Lâm Thanh T

Tại phiên toà nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và không vượt quá yêu cầu khởi kiện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà Quách Thị Ngọc H.

Về nội dung

[1] Vụ kiện của bà Quách Thị Ngọc H và ông Lâm Thanh T là loại kiện hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bà Quách Thị Ngọc H và ông Lâm Thanh T kết hôn vào tháng 02/2015 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đại Tâm ngày 22/02/2016. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Quách Thị Ngọc H và ông Lâm Thanh T là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, bà Quách Thị Ngọc H vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông T, do giữa bà và ông T mâu thuẫn về tiền bạc, ông T sống không chung thủy hiện bà và ông T không còn tình cảm vợ chồng. Kể từ tháng 8/2016 cho đến nay bà và ông T không còn chung sống với nhau, từ khi bà H về quê sinh sống ông T chỉ về thăm con được một lần cho đến nay. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà Quách Thị Ngọc H và ông Lâm Thanh T không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Quách Thị Ngọc H.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Quách Thị Ngọc H và ông Lâm Thanh T có một người con chung tên Lâm Thiện N, sinh ngày 13/6/2016 hiện nay đang sống với bà Quách Thị Ngọc H. Bà Quách Thị Ngọc H yêu cầu nuôi con Lâm Thiện N đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Lâm Thiện N hiện nay đang sống với bà Quách Thị Ngọc H và cháu Lâm Thiện N chưa tròn 36 tháng tuổi nên xét tiếp tục giao cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 3 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung tên Lâm Thiện N cho bà Quách Thị Ngọc H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành

[3] Ông Lâm Thanh T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Quách Thị Ngọc H là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nhưng bà H cho rằng bà đủ khả năng về kinh tế không yêu cầu ông Lâm Thanh T cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét

[6] Về nợ chung: Bà Quách Thị Ngọc H trình bày không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Quách Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Quách Thị Ngọc H

- Về hôn nhân: Bà Quách Thị Ngọc H được quyền ly hôn với ông Lâm Thanh T

2. Về con chung: Giao cho bà Quách Thị Ngọc H quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lâm Thiện N, sinh ngày 13/6/2016 đến tuổi trưởng thành.

Ông Lâm Thanh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lâm Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét

5. Về nợ chung: không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét

6. Về án phí sơ thẩm: Bà Quách Thị Ngọc H phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008908 ngày 28/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Bà H đã thực hiện xong.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. (Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể

ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên,
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Lý Bích Khiếm